

Bản án số: 763/2019/HS-PT

Ngày: 27/11/2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Xuân;

Các Thẩm phán: Ông Hoàng Văn Hạnh;
Ông Hoàng Mạnh Hùng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Ngọc Chuyên - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hằng, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 27 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh P, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 316/2018/TLPT- HS ngày 06 tháng 5 năm 2019 do có kháng cáo của đại diện hợp pháp của bị hại đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 11/2019/HSST ngày 28/3/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh P.

*** Bị cáo bị kháng cáo:**

T, sinh năm 1973; nơi cư trú: Xã P, huyện L, tỉnh P; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: Lớp 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Không xác định; con bà Lê Thị Nhị; có vợ Hoàng Thị Vịnh, hiện không xác định được địa chỉ; có 3 con; tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 20/7/2005 bị Tòa án nhân dân tỉnh P xử phạt 24 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 48 tháng về tội “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ” (Đã được xóa án tích).

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 19/6/2018, hiện đang bị tạm giam tại Trại giam Công an tỉnh Vĩnh Phúc; có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo: Luật sư Trần Văn Lý - Văn phòng luật sư số 1, thuộc Đoàn luật sư tỉnh P; vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Bị hại: Anh J, sinh năm 1977 (đã chết).

- Người đại diện hợp pháp của bị hại kháng cáo: Chị O, sinh năm 1981; trú tại: Thôn NL, xã BL, huyện T3, tỉnh P. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

T, sinh năm 1973 trú tại xã P, huyện L, tỉnh P có quan hệ tình cảm nam nữ với chị D, sinh năm 1979, tên thường gọi là D1, trú tại xã F, huyện Z, tỉnh P. Buổi trưa ngày 16/6/2018, T tổ chức sinh nhật cho chị D tại nhà hàng D2, xã D3, huyện L, tỉnh P. Tham gia buổi tiệc sinh nhật hôm đó gồm có chị V sinh năm 1976, cháu V1, sinh năm 2002 là con gái chị V đều trú tại xã V2, huyện V3, tỉnh V4; chị G sinh năm 1975, anh B, sinh năm 1972 đều trú tại xã B1, huyện Z, tỉnh P; chị P sinh năm 1981, anh J, sinh năm 1977, đều trú tại xã BL, huyện T3, tỉnh P và một số người khác. Trong quá trình ăn uống không xảy ra mâu thuẫn, xích mích gì. Sau khi ăn uống xong, T thanh toán tiền rồi T rủ và đã cùng chị D, anh J, anh B, chị G, chị P, chị V và cháu V1 đi hát, uống bia tại quán karaoke BQ ở xã P, huyện L, tỉnh P, đến khoảng hơn 15h00' cùng ngày thì hát xong, T thanh toán tiền. Lúc này, anh B điều khiển xe ô tô BKS: 29L-1330 chở chị V, cháu V1 về nhà chị G chơi, còn anh J điều khiển xe ô tô BKS: 19L-7667 chở chị P, chị D và T về nhà của T. Tại đây T có cầm túi quần áo của chị D đang để trong nhà của T bỏ ra ngoài hè và bảo chị D cầm về, từ nay không liên lạc với T nữa, T không chơi bởi gì nữa. Anh J mời chị D, chị P, T đi ăn tối, nhưng T không đi mà ở nhà. Anh J điều khiển xe chở chị D, chị P đến quán vịt TX của anh Nông Quang Toàn ở thôn T5, xã T4, huyện T3, tỉnh P để ăn, đồng thời gọi điện thoại rủ anh B đến ăn cùng. Anh B đồng ý và rủ chị G, chị V và cháu V1 cùng đi. Khi đến quán tất cả mọi người vào ngồi ăn uống ở phòng số 01. Trong khi mọi người đang ăn uống thì T gọi điện cho chị D hỏi: *“Đang ăn ở đâu, thằng J, cái P là bố mày à mà nó bảo mày đi đâu mày đi đấy, mày bắt taxi về ngay không tao xuống mày biết rồi đấy”*. Chị D nghe xong tắt điện thoại, T tiếp tục gọi điện thoại cho anh J để nói chuyện và yêu cầu bảo chị D về nhưng chị D không về. Đến khoảng 17 giờ 00' cùng ngày, T gọi điện thoại bảo anh W lái xe taxi BKS: 88A-196.52 chở T đến quán vịt TX. Khi đi T mang theo một con dao có một đầu nhọn dài 54cm, bản dao chỗ rộng nhất là 07cm, chuôi dao làm bằng gỗ dài 14cm, đường kính 3,5cm của gia đình T. T bọc con dao vào trong chiếc áo màu vàng. Khi đến quán TX thì T thanh toán tiền xe cho anh W rồi đi vào phòng số 01 nơi anh J và mọi người đang ăn uống. T bỏ chiếc áo bọc phía ngoài con dao ra, cầm dao ở tay phải và đóng cửa phòng lại, hô: *“Hôm nay tao chém chết hết chúng mày”*. T chỉ dao về phía anh J nói: *“Tao chém thằng này đầu tiên”* sau đó T cầm dao ở tay phải lao vào chém liên tiếp nhiều nhất vào đầu, vào mặt, vào tay, vào người anh J; chém 02 nhát vào đầu anh B; chém nhiều nhất vào đầu, vào người chị G; chém nhiều nhất vào đầu, vào người chị P, còn chị V, cháu V1, chị D bỏ chạy được, không bị thương tích gì. Sau khi chém gây thương tích cho những người trên T cầm dao chạy ra đường Quốc lộ 2B cũ, chặn được xe mô tô BKS: 88K1-252.19 do chị W1 ở khu 5, xã F, huyện Z, tỉnh P điều khiển, chở sau là chị W2 ở xã W4, huyện W5, tỉnh W6 và cháu W7 là con trai chị W1, đi theo hướng từ xã T4 đi thành phố P1. Khi xe của chị W1 vừa dừng lại thì T

nói: “*Xuống xe, cho anh mượn xe, anh lỡ giết người rồi, anh không lấy xe của em*”. Do hoảng sợ nên chị W1, chị W2 xuống xe và giao xe mô tô cho T. T để dao ở chỗ để chân của xe mô tô rồi điều khiển xe theo đường 36 hướng về xã B1, huyện Z, khi đi được một đoạn thấy một người phụ nữ (không rõ tên tuổi, địa chỉ) điều khiển xe mô tô đi cùng chiều, T điều khiển xe mô tô áp sát vào và nói: “*Chị cho tôi mượn cái mũ bảo hiểm*”, người phụ nữ này đưa cho T 01 mũ bảo hiểm nhãn hiệu HJC màu đen, trắng loại nửa đầu, có kính. T đội mũ bảo hiểm, tiếp tục điều khiển xe đi đến đoạn đường Quốc lộ 2C thuộc địa phận khu 6, xã B1, huyện Z thì dừng xe vớt con dao xuống lề đường bên phải, rồi tiếp tục điều khiển xe đi đến gầm cầu đường cao tốc Hà Nội - Lào Cai thuộc địa phận thị trấn U, huyện Z, tỉnh P. T bỏ lại xe mô tô và mũ bảo hiểm xe tại đây, rồi gọi xe taxi BKS: 88A-185.74 của anh U1 ở thị trấn U, huyện Z đang đỗ chờ khách tại đây chờ đi. Trên đường đi, T gọi điện thoại cho bà U2 sinh năm 1949 trú tại phường ĐT, thành phố P1, tỉnh P bảo bà U2 là con của T bị tai nạn đang cần tiền giải quyết và hỏi vay bà Lý 10.000.000 đồng, tiếp đó T gọi điện thoại cho anh U3, sinh năm 1982 trú tại phường U4, thành phố P1, tỉnh P bảo anh U3 là T có việc gấp, hỏi vay U3 15.000.000 đồng thì U2 và U3 đều đồng ý. Sau đó, T bảo anh U1 lái xe đưa đến nhà U2, U3 lấy tiền rồi tiếp tục đi đến khu vực xã U5 thành phố U6, tỉnh P thì T xuống xe. Sau khi thanh toán tiền taxi cho anh U1, T lại gọi xe taxi khác đi để tiếp tục bỏ trốn. Đến ngày 19/6/2018, T đã bị cơ quan công an bắt khi T đang trốn tại tỉnh HG.

Anh J, anh B, chị G và chị P bị T dùng dao chém gây thương tích nặng đã được đưa đến Bệnh viện Đa khoa tỉnh P để cấp cứu và điều trị. Do thương tích nặng nên đến ngày 18/6/2018 thì anh B tử vong.

- Tại Bản kết luận giám định pháp y về tử thi số: 129/TT ngày 25/7/2018 của Trung tâm pháp y tỉnh P đã kết luận về nguyên nhân tử vong của anh J: “*Chấn thương sọ não sau phẫu thuật điều trị không hồi phục*”.

- Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 347TgT ngày 06/9/2018 của Trung tâm pháp y tỉnh P đã kết luận về thương tích và tổn hại sức khỏe của chị G: Căn cứ thông tư số 20/2014/TT-BYT ngày 12/6/2014 quy định tỷ lệ tổn thương cơ thể sử dụng trong Giám định Pháp y - Pháp y tâm thần tỷ lệ tổn thương cơ thể tại thời điểm giám định là 83% (Tám mươi ba phần trăm), theo nguyên tắc cộng lùi.

Cơ chế hình thành vết thương: Các thương tích đã mô tả trên có thể là do vật sắc gây nên. Các thương tích đã mô tả trên không ảnh hưởng thẩm mỹ. Các thương tích đã mô tả trên không có trong danh mục để lại cố tật.

- Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số: 348TgT ngày 06/9/2018 của Trung tâm pháp y tỉnh P đã kết luận về thương tích và tổn hại sức khỏe của chị P: Căn cứ thông tư số 20/2014/TT-BYT ngày 12/6/2014 quy định tỷ lệ tổn thương cơ thể sử dụng trong Giám định Pháp y - Pháp y tâm

thần tỷ lệ tổn thương cơ thể tại thời điểm giám định là 10%.

Cơ chế hình thành vết thương: Các thương tích đã mô tả trên có thể là do vật sắc gây nên. Các thương tích đã mô tả trên không ảnh hưởng thẩm mỹ. Các thương tích đã mô tả trên không có trong danh mục để lại cố tật.

- Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số: 346/TgT ngày 06/9/2018 của Trung tâm pháp y tỉnh P kết luận đối với anh B: Căn cứ thông tư số 20/2014/TT-BYT ngày 12/6/2014 quy định tỷ lệ tổn thương cơ thể sử dụng trong Giám định Pháp y - Pháp y tâm thần tỷ lệ tổn thương cơ thể tại thời điểm giám định là 55% (Năm mươi năm phần trăm), theo nguyên tắc cộng lùi.

Cơ chế hình thành vết thương: Các thương tích đã mô tả trên có thể là do vật sắc gây nên. Vết sẹo gò má trái và cằm phải ảnh hưởng thẩm mỹ. Còn lại các vết sẹo khác đã mô tả trên không ảnh hưởng thẩm mỹ. Các thương tích đã mô tả trên không có trong danh mục để lại cố tật.

** Về trách nhiệm dân sự:*

1. Bị hại J đã tử vong, nên gia đình anh B yêu cầu bị cáo T phải bồi thường cho gia đình anh B số tiền 420.000.000 đồng. Chị Y (con gái bị cáo T) đã thay T bồi thường được cho gia đình anh B số tiền 85.000.000 đồng.

2. Bị hại G yêu cầu bị cáo T phải bồi thường cho chị G các khoản tiền sau: Tiền viện phí là 68.000.000 đồng; Tiền công lao động của chị G phải nghỉ trong 60 ngày, mỗi ngày 200.000 đồng là 12.000.000 đồng; tiền tổn thất về tinh thần yêu cầu bồi thường theo quy định pháp luật. Tại phiên tòa sơ thẩm chị yêu cầu bị cáo còn phải bồi thường thêm 250.000.000 đồng.

Đến nay chị Y (con gái bị cáo T) thay T bồi thường được cho chị G số tiền 45.000.000 đồng.

3. Bị hại P yêu cầu bị cáo T phải bồi thường cho chị P các khoản: Tiền viện phí là 15.000.000 đồng; tiền tổn thất về tinh thần yêu cầu bồi thường theo quy định pháp luật. Tại phiên tòa sơ thẩm chị yêu cầu bị cáo phải bồi thường thêm 50.000.000 đồng.

Đến nay chị Y (con gái bị cáo T) đã thay T bồi thường được cho chị P số tiền 12.000.000 đồng.

4. Bị hại B yêu cầu bị cáo T phải bồi thường cho anh J các khoản: Tiền viện phí là 45.000.000 đồng; Tiền công lao động của anh J phải nghỉ trong 68 ngày, mỗi ngày 300.000 đồng là 20.400.000 đồng; tiền tổn thất về tinh thần yêu cầu T bồi thường theo quy định pháp luật. Tại phiên tòa sơ thẩm, anh J yêu cầu bị cáo phải bồi thường thêm 200.000.000 đồng.

Đến nay chị Y (con gái bị cáo T) đã thay T bồi thường được cho anh J số tiền 90.000.000 đồng.

Trong quá trình điều tra bị cáo T thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung vụ án đã nêu trên.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 11/2019/HS-ST ngày 28/3/2019, Tòa án nhân dân tỉnh P đã tuyên bố bị cáo phạm tội “Giết người”. Căn cứ vào điểm a, n khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015. Xử phạt T tù chung thân, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 19/6/2018.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và thông báo quyền kháng cáo cho người tham gia tố tụng.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 03/4/2019, bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Ngày 27/9/2019, bị cáo làm đơn rút kháng cáo.

Ngày 10/4/2019, chị O kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội sau khi phân tích tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo và kết luận: Bị cáo đã tự nguyện rút kháng cáo nên việc đình chỉ xét xử phúc thẩm là đúng. Người kháng cáo đã được triệu tập hợp lệ vắng mặt không có lý do nên đề nghị xét xử vắng mặt. Xét kháng cáo: Không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của người đại diện hợp pháp cho người bị hại, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Bị cáo đồng ý với quan điểm xin giảm nhẹ hình phạt của người bị hại và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng lượng khoan hồng của pháp luật.

Luật sư vắng mặt nhưng gửi bản bào chữa cho bị cáo có quan điểm nhất trí tội danh và khung hình phạt, đề nghị xem xét giảm nhẹ cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Bị cáo T rút đơn kháng cáo là tự nguyện nên việc xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bị cáo đã được Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội đình chỉ tại Quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm số 71/2019/HSPT-QĐ ngày 14/11/2019.

Luật sư cho bị cáo vắng mặt tại phiên tòa, nộp luận cứ bào chữa, bị cáo nhất trí nên việc vắng mặt trên không ảnh hưởng đến phiên tòa phúc thẩm.

Người đại diện hợp pháp cho bị hại kháng cáo vắng mặt nhưng đã được tổng đạt hợp lệ nên việc xét xử vắng mặt người đại diện hợp pháp cho bị hại đảm bảo quy định Bộ luật tố tụng hình sự.

[2] Xét nội dung kháng cáo của chị O về việc xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo:

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo T thừa nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản án sơ thẩm đã nêu. Xét lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập được có trong hồ sơ và kết quả tranh tụng thẩm tra chứng cứ tại phiên tòa, nên có đủ căn cứ xác định: T đã cầm dao chém liên tiếp nhiều nhát vào đầu, vào mặt, vào tay, vào người anh J; chém 02 nhát vào đầu anh B; chém nhiều nhát vào đầu, vào người chị G; chém nhiều nhát vào đầu, vào người chị P. Hậu quả: Anh B bị tử vong do chấn thương sọ não nặng, chị G bị tổn hại 83% sức khỏe, anh J bị tổn hại 55% sức khỏe, chị P bị tổn hại 10% sức khỏe.

Việc dùng hung khí chém nhiều nhát vào những vị trí hiểm yếu trên cơ thể của anh B, anh J, chị G, chị P, hậu quả đã làm anh B tử vong, anh J, chị G, chị P bị thương tích, những người này không chết là ngoài ý muốn của bị cáo T do đó hành vi phạm tội nêu trên của T đã phạm vào tội “Giết người”, với các tình tiết định khung tăng nặng là “Giết 02 người trở lên” và “Có tính chất côn đồ” theo quy định tại các điểm a, n khoản 1 Điều 123 Bộ luật hình sự năm 2015 như Tòa án cấp sơ thẩm đã quy kết là đúng pháp luật.

Xét tính chất vụ án là đặc biệt nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến tính mạng, sức khỏe của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an tại địa phương và gây hoang mang trong quần chúng nhân dân.

Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét, đánh giá tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội của bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và xử phạt bị cáo tù chung thân là phù hợp với hành vi phạm tội của bị cáo nên không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của người đại diện hợp pháp cho bị hại.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Về án phí: Bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356; Điều 348; Điều 351 Bộ luật tố tụng hình sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ngày 30/12/2016.

QUYẾT ĐỊNH

Không chấp nhận kháng cáo của người đại diện hợp pháp cho người bị hại là chị O.

Căn cứ vào điểm a, n khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt **T** tù chung thân, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam 19/6/2018.

Về án phí: Bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./x.

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Văn Hạnh

Hoàng Mạnh Hùng

Nguyễn Thị Thanh Xuân

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Hà nội;
- TAND tỉnh P;
- VKSND tỉnh P;
- Công an tỉnh P;
- Cục THADS tỉnh P;
- Trại tạm giam CA tỉnh P;
- Bị cáo (qua trại);
- Bị hại (theo địa chỉ);
- Lưu HS, HCTP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thanh Xuân